

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/KDTM-PT

Ngày: 05 – 10 – 2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huân

Ông Y Phi Kbuôr

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang; Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT-KDTM ngày 27/7/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2018/KDTM-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2018/QĐ-PT ngày 17/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Đường D, khu đô thị Đ, huyện L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lưu Xuân T – Chức vụ: Cán bộ tín dụng Phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, Đắk Lắk, có mặt.

Địa chỉ: Đường Q, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Không Văn L, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Khối T, phường H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Không Đức L, sinh năm 1981.
- Anh Không Đại T, sinh năm 1983.
- Anh Không Ngọc B, sinh năm 1986.
- Anh Không Thế B, sinh năm 1994.
- Anh Không Gia M, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Khối T, phường H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Không Văn L, bà Nguyễn Thị H; là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 10/9/2013, bà Nguyễn Thị H và ông Không Văn L có ký với Phòng giao dịch K - Chi nhánh Ngân hàng N thành phố T (nay là Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, Đắk Lắk) hợp đồng tín dụng số 5201-LAV-201300899 để vay số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay: đầu tư kinh doanh phòng trọ, lãi suất 12%/ năm, trả lãi theo quý/ 1 lần, phân kì trả nợ như sau:

- Kỳ 1: Ngày 10/9/2014: trả 110.000.000 đồng.
- Kỳ 2: Ngày 10/9/2015: trả 130.000.000 đồng.
- Kỳ 3: Ngày 10/9/2016: trả 160.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo: Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 8710xx do UBND thành phố T cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Không Văn L (Số thửa đất: 32; Số tờ bản đồ: 35; Diện tích: 298,3m²) tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200912/291/HĐTC ngày 20/9/2012. Đối với việc ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200912/291/HĐTC không có các người con của ông L, bà H là Không Đức L, anh Không Đại T, anh Không Ngọc B, anh Không Thế B, anh Không Gia M tham gia ký kết hợp đồng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian vay, ông L bà H đã trả được cho Ngân hàng N số tiền lãi là: 54.533.333 đồng, cụ thể vào các ngày:

- Ngày 12/3/2014 trả 15.066.667 đồng tiền lãi.
- Ngày 22/9/2014 trả 20.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 24/10/2014 trả 19.466.667 đồng tiền lãi.

Hiện nay, khoản vay của ông L bà H đã chuyển quá hạn. Ngân hàng đã làm việc và yêu cầu trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng nhưng ông L bà H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết buộc bị

đơn ông Không Văn L, bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 615.733.333 đồng (trong đó: nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 23/5/2018 là 215.733.333 đồng), và toàn bộ lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 5201-LAV-201300899/HĐTD từ ngày 24/5/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Không Văn L không thực hiện trả nợ, yêu cầu xử lý các tài sản mà bà Nguyễn Thị H và ông Không Văn L đã thế chấp để thu hồi nợ.

Phía bị đơn ông L, bà H công nhận những lời trình bày về việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp của Ngân hàng là đúng. Nhưng do hoàn cảnh gặp khó khăn không có khả năng trả nợ nên đề nghị Ngân hàng cho trả dần mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Không Đức L, anh Không Đại T, anh Không Ngọc B, anh Không Thế B, anh Không Gia M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến được.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147, Điều 220, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 299 Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.
- Áp dụng Điều 4, Điều 56, khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ đối với các giao dịch B đảm.
- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Không Văn L và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 615.733.333 đồng (Trong đó 400.000.000 đồng tiền gốc; 215.733.333 đồng tiền lãi tính đến ngày 23/5/2018) và ông L bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 24/5/2018 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả nợ xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5201-LAV-201300899/HĐTD ngày 10/9/2013.

Trường hợp ông L bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 8710xx do UBND thành phố T cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Không Văn L (Số thửa đất: 32; Số tờ bản đồ: 35;

Diện tích: 298,3 m²) đứng tên hộ ông Không Văn L được bán đấu giá để trả nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp ông L bà H thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng N mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng N phải trả cho hộ ông Không Văn L tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 8710xx do UBND thành phố T cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Không Văn L (Số thửa đất: 32; Số tờ bản đồ: 35; Diện tích: 298,3 m²).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/6/2018, bị đơn ông Không Văn L, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án với nội dung: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 8710xx do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 28/9/2006, cấp cho hộ ông Không Văn L, tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp số 200912/291/HĐTC ngày 20/9/2012 các thành viên khác trong gia đình ông L, bà H là anh Không Đức L, anh Không Đại T, anh Không Ngọc B, anh Không Thế B, anh Không Gia M đã trên 15 tuổi nhưng Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, Đăk Lăk không đưa anh L, anh T, anh B, anh B, anh M vào tham gia ký kết hợp đồng thế chấp là trái với quy định của pháp luật, vì vậy Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, Đăk Lăk không có quyền xử lý tài sản thế chấp của hộ ông L, bà H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh B, anh M đã có việc làm và thu nhập ổn định, được trả nợ thay ông L, bà H theo phương thức trả dần vì nay ông L đã cao tuổi mất sức lao động, bà H bị bệnh tiểu đường nên không còn khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Không Đức L, Không Đại T, anh Không Ngọc B, anh Không Thế B và anh Không Gia M trình bày: Do đi làm ăn ở xa nên tại cấp sơ thẩm anh L, anh T, anh B, anh B và anh M không sắp xếp thời gian tham gia tố tụng được, tuy nhiên đối với hợp đồng Hợp đồng thế chấp số 200912/291/HĐTC ngày 20/9/2012 giữa Ngân hàng N và bố mẹ anh là Không Văn L, Nguyễn Thị H, Ngân hàng không đưa các anh vào ký kết, nay Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của các anh. Anh L, anh T, anh B xin Hội đồng xét xử cho 02 người em út là anh B, anh M thay bố mẹ trả dần số nợ cho Ngân hàng, vì anh B anh M có việc làm và thu nhập ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H cho rằng Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh thành phố T, Đắk Lắk không có quyền xử lý tài sản thế chấp của hộ ông L, bà H vì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200912/291/HĐTC ngày 20/9/2012 được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh thành phố T, Đắk Lắk và vợ chồng ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H không đúng quy định pháp luật, Ngân hàng không đưa các thành viên trong hộ ông L, bà H đã đủ 15 tuổi vào tham gia ký kết hợp đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, nguồn gốc đất của hộ ông Khổng Văn L là do ông Khổng Văn A, bà Phan Thị S cho con trai là ông Khổng Văn L để làm nhà ở năm 1988, tại thời điểm ông L được tặng cho đất thì anh L, anh T, anh B còn nhỏ, anh B, anh M chưa ra đời, đến năm 2006 thì hộ ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm này anh B, anh M còn nhỏ, anh L, anh T, anh B, đã trên 15 tuổi nhưng không có cơ sở để xác định có đóng góp gì trong khối tài sản chung của gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 10/9/2013, ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng tín dụng số 5201-LAV-201300899/HĐTD vay của Phòng giao dịch K – Chi nhánh Ngân hàng N thành phố T (nay là Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, Đắk Lắk) số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất vay 12%/năm, thời hạn vay 36 tháng, trả lãi theo quý/1 lần, mục đích vay để đầu tư kinh doanh phòng trọ. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200912/291/HĐTC ngày 20/9/2012 với Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, Đắk Lắk. Trong thời gian vay ông L bà H đã trả được cho Ngân hàng N số tiền lãi là: 54.533.333 đồng. Hết hạn trả nợ, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu ông L, bà H thực hiện đúng cam kết trả nợ như trong Hợp đồng tín dụng nhưng ông L, bà H vẫn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 615.733.333 đồng (trong đó: nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 23/5/2018 là 215.733.333 đồng) và buộc ông Khổng Văn L cùng bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/5/2018 cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ gốc trên là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H cho rằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200912/291/HĐTC ngày 20/9/2012 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, Đắc Lắc và vợ chồng ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H không đúng quy định pháp luật, Ngân hàng không đưa các thành viên trong hộ ông L, bà H đã đủ 15 tuổi vào tham gia ký kết hợp đồng là trái pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi của các thành viên khác của hộ gia đình và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho các con của ông L, bà H trả nợ thay cho ông L, bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 108 Bộ luật dân sự thì tài sản chung của hộ gia đình phải do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập hoặc được tặng cho chung, được thừa kế chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ. Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Khổng Văn L thể hiện, nguồn gốc đất có được là do ông Khổng Văn A, bà Phan Thị S cho con trai là ông Khổng Văn L. Tại thời điểm ông L được bố mẹ cho đất thì anh L, anh T, anh B còn nhỏ, anh B và anh M chưa ra đời, đến năm 2006 thì đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm này anh B, anh M đều đang đi học, anh L, anh T, anh B đã trên 15 tuổi, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh L, T, B, B, M để làm rõ công sức đóng góp trong khối tài sản của gia đình nhằm đảm bảo quyền lợi cho các thành viên nhưng anh L, T, B, B, M vẫn vắng mặt, mặt khác tại các buổi làm việc tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng ông L, bà H nuôi các con ăn học hết lớp 12 rồi đi học đại học, ra trường đi làm nghề vì vậy không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc anh L, anh T, anh B, anh B, anh M có công sức đóng góp trong việc tạo lập, duy trì và phát triển thửa đất chung. Việc ông L, bà H cho rằng các con của ông bà là anh L, anh T, anh B, anh B, anh M đều có tên trong sổ hộ khẩu là có công sức đóng góp vào thửa đất. Hội đồng xét xử khẳng định nội dung này là không có căn cứ, vì sổ hộ khẩu là để quản lý con người, chứ không phải dùng để ràng buộc quyền lợi của các thành viên trong hộ đối với khối tài sản chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trường hợp ông L bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 8710xx do UBND thành phố T cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Khổng Văn L (Số thửa đất: 32; Số tờ bản đồ: 35; Diện tích: 298,3 m²) đứng tên hộ ông Khổng Văn L được bán đấu giá để trả nợ cho Ngân hàng N là đúng quy định pháp luật nên kháng cáo về nội dung này là không có căn cứ.

[3] Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Khổng Văn L, bà Nguyễn Thị H - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Khổng Văn L và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 615.733.333 đồng (Trong đó 400.000.000 đồng tiền gốc; 215.733.333 đồng tiền lãi tính đến ngày 23/5/2018) và ông L bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 24/5/2018 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả nợ xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5201-LAV-201300899/HĐTD ngày 10/9/2013.

Trường hợp ông L bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 8710xx do UBND thành phố T cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Khổng Văn L (Số thửa đất: 32; Số tờ bản đồ: 35; Diện tích: 298,3 m²) đứng tên hộ ông Khổng Văn L được bán đấu giá để trả nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp ông L bà H thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng N mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng N phải trả cho hộ ông Khổng Văn L tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 8710xx do UBND thành phố T cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Khổng Văn L (Số thửa đất: 32; Số tờ bản đồ: 35; Diện tích: 298,3 m²).

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Khổng Văn L và bà Nguyễn Thị H phải chịu 28.629.333 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 12.362.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0040952 ngày 28/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

+ Ông Khổng Văn L phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị H đã nộp thay, theo biên lai số: AA/2017/0007447 ngày 18/6/2018, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị H đã nộp, theo biên lai số: AA/2017/0007448 ngày 18/6/2018, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung